|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM **KHOA KINH TẾ**  **NGÀNH QLCN** | | **ĐỀ THI CUỐI KỲ HK I NĂM HỌC 2017-18**  **Môn:** Lập và phân tích dự án  Mã môn học: PRAN321106  Đề số/Mã đề: **01** Đề thi có 05 trang.  Thời gian: 60 phút.  Được phép sử dụng tài liệu.  **SV làm bài trực tiếp trên đề thi và nộp lại đề** |
| Chữ ký giám thị 1 | Chữ ký giám thị 2 |
| **Điểm và chữ ký** | |
| CB chấm thi thứ nhất | CB chấm thi thứ hai | **Họ và tên:**  **Mã số SV:**  **Số TT:** **Phòng thi:** |
|  |  |
|  | |  |

*Ghi chú: Phần trắc nghiệm SV chọn trực tiếp lên đáp án.*

1. Chỉ tiêu thời gian hoàn vốn của dự án có nhược điểm:

a. Phụ thuộc vào vòng đời dự án

b. Phụ thuộc vào quy mô vốn đầu tư

c. Phụ thuộc vào thời điểm đầu tư

d. Không xét tới khoản thu nhập sau thời điểm hoàn vốn

1. Lãi suất khi chưa có lạm phát (lãi suất thực) là 3%, tỷ lệ lạm phát là 5% . Vậy lãi suất dùng để tính toán (lãi suất danh nghĩa) là:

a. 8,0% b. 8,15% c. 9,15% d. 15%

**Dữ liệu sau dùng cho câu 3-6**

Một dự án có suất chiết khấu i=12%, dòng tiền dự án được cho trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục | Năm 0 | Năm 1 | Năm 2 | Năm 3 |
| CF-TIP | -1000 | 600 | 300 | 465 |
| Ngân lưu tài trợ | -300 | A | A | A |
| CF-EPV | -700 |  |  |  |

1. NPV theo quan điểm tổng đầu tư có giá trị là:

a. 80 b. 106 c. 116 d.124

1. IRR theo quan điểm tổng đầu tư có giá trị là:

a. 15,5% b. 16,5% c. 17,5% d.18,5%

1. Giả sử dự án trên có đi vay vốn 300 triệu đồng, trả trong 3 năm. Tiền nợ được trả đều hàng năm với lãi suất 15%/năm. Số tiền trả nợ hàng năm sẽ là (giá trị A):

a. 131,4 b. 125,0 c. 135,4 d. Không kết quả nào đúng

1. NPV theo quan điểm chủ sở hữu có giá trị là:

a. 80 b. 90 c. 100 d. Không kết quả nào đúng

1. Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR- Internal Rate of Return) của dự án là một loại lãi suất mà tại đó làm cho:

a. NPV >0 b. NPV <0 c. NPV =0 d. NPV =Lãi suất tính toán (i)

1. Ngân lưu ròng của một dự án, như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Năm*** | ***0*** | ***1*** | ***2*** |
| Ngân lưu ròng | -100 | 112 | 10 |

Vậy IRR của dự án, bằng:

a. 20% b. 22% c. 25% d.26%

1. Tuỳ theo loại dự án mà có thể:

a. Không có IRR b. Chỉ có một IRR c. Có nhiều IRR d. Tất cả các câu đều đúng

1. Ngân lưu ròng của một dự án:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Năm*** | ***0*** | ***1*** | ***2*** |
| Ngân lưu ròng | -10 | 30 | -20 |

Vậy IRR của dự án là:

a. 0% b. 10% c. 0% và 100% d. 0% và 10%

1. Nhược điểm của chỉ số NPV là:

a. Có nhiều nghiệm b. Khó so sánh các dự án có thời gian khác nhau

c. Khó so sánh dự án có vốn đầu tư khác nhau d. Cả b và c đều đúng

1. Chỉ tiêu thời gian hoàn vốn không có chiết khấu so với thời gian hoàn vốn có chiết khấu (dương), thì:

a. Lớn hơn b. Nhỏ hơn c. Bằng nhau d. Tuỳ từng loại dự án

1. Tiêu chuẩn thành công của một dự án đầu tư là:

a. Đạt được lợi ích của nhà đầu tư b. Tăng ngân sách cho nhà nước

c. Đem lại lợi ích cho khách hàng d. Tất cả đều đúng

1. Công cụ nào có thể được sử dụng khi dự báo thị trường trong tương lai

a. Phân tích độ nhạy b. Phân tích NPV

c. Lấy ý kiến chuyên gia d. Tất cả đều đúng

1. Lợi ích và Chi phí của dự án như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Năm*** | ***0*** | ***1*** |
| Dòng thu  Dòng chi | 100 | 132  22 |

Nết xét suất chiết khấu là 10%, thì tỷ số B/C sửa đổi bằng:

a. 1,0 b. 1,2 c. 1,3 d. 1.5

**Câu 16 (5.5 điểm)**

Anh Nam, chủ một doanh nghiệp sản xuất thiết bị gia dụng, dự định đầu tư một nhà máy sản xuất thiết bị mới. Anh đã mua một khu đất ở vùng ngoại ô với giá 1 tỷ đồng để làm nhà máy. Anh dự định xây dựng nhà máy và mua máy móc thiết bị hết 5 tỷ đồng. Để có đủ vốn đầu tư, anh Nam đã đi vay ngân hàng số tiền 1,5 tỷ đồng trong 3 năm, với lãi suất 12%/năm và trả nợ gốc đều hàng năm. Tuổi thọ của nhà xưởng và máy móc thiết bị dự kiến là 5 năm. Công suất của nhà máy thiết kế là 15 ngàn sản phẩm/năm. Giả sử trong 3 năm hoạt động của dự án, hai năm đầu anh Nam sản xuất ở mức 80% công suất, năm cuối cùng anh sản xuất ở 100% công suất và bán hết sản phẩm trong năm. Giá bán là 400 ngàn đồng/SP. Theo kinh nghiệm kinh doanh của anh thì chi phí hoạt động hàng năm cho nguyên vật liệu, nhân công, điện, nước và các chi phí khác chiếm 50% doanh thu. DN anh Nam đang hoạt động với suất sinh lời trên vốn là 18% và thuế suất thuế thu nhập DN là 20%. *Giả sử không có khoản phải thu, khoản phải trả, không có tồn kho, không dự trữ tiền mặt và đất được thanh lý bằng với giá mua ban đầu.*

a. Hãy lập bảng đi vay và trả lãi của số tiền vay ngân hàng. (1 điểm)

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

b. Hãy lập bảng kế hoạch lãi lỗ trong 3 năm hoạt động của doanh nghiệp. Giả sử máy móc thiết bị khấu hao đều. (1 điểm)

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

c. Hãy lập bảng ngân lưu theo quan điểm tổng đầu tư CF-TIP. Hãy tính NPV (chiết khấu theo WACC) theo quan điểm tổng đầu tư đó nhận xét về triển vọng đầu tư của dự án. (1,5 điểm)

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

d. Hãy lập bảng ngân lưu theo quan điểm chủ sở hữu CF-EPV (chỉ lập 3 dòng gồm CF-TIP, ngân lưu tài trợ và CF-EPV). Hãy tính IRR theo quan điểm chủ sở hữu, so sánh với suất sinh lời của chủ sở hữu, từ đó nhận xét về triển vọng đầu tư của dự án. (1 điểm).

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

e. Từ dòng tiền câu c, hãy tính thời gian hoàn vốn của dự án có tính suất chiết khấu (tính đến tháng). Gợi ý: trình bày dòng tiền chiết khấu và dòng tiền tích lũy trước khi tính thời gian hoàn vốn. (1 điểm)

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ghi chú:Cán bộ coi thi không được giải thích đề thi.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra của học phần (về kiến thức)** | **Nội dung kiểm tra** |
| [CĐR 2.2]: Có khả năng thiết lập dòng tiền của dự án | Câu 16a, 16b, 16c |
| [CĐR 3.1]: Có khả năng tính toán tiêu chí NPV và đưa ra quyết định lựa chọn dự án | Câu 2, 3, 5, 6, 7, 16c |
| [CĐR 3.2]: Có khả năng tính toán tiêu chí IRR và đưa ra quyết định lựa chọn dự án | Câu 4, 8, 9, 10,11, 16d |
| [CĐR 3.3]:Có khả năng tính toán tiêu chí B/C, thời gian hoàn vốn và đưa ra quyết định lựa chọn dự án | Câu1, 12, 13, 14, 15,16e |

Ngày tháng năm 20

**Trưởng Bộ Môn**

**Đáp án môn: Lập và phân tích dự án**

**Thi ngày 12/01/2018**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Lựa  chọn | a | a | a | a | a | a | a | a | a | a | a | a | a | a | a |
| b | b | b | b | b | b | b | b | b | b | b | b | b | b | b |
| c | c | c | c | c | c | c | c | c | c | c | c | c | c | c |
| d | d | d | d | d | d | d | d | d | d | d | d | d | d | d |

**II. Phần tự luận (Câu 16)**

a. Hãy lập bảng đi vay và trả lãi của số tiền vay ngân hàng. (1 điểm)

Đơn vị: Triệu đồng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục | Năm 0 | Năm 1 | Năm 2 | Năm 3 |
| Dư nợ đầu kỳ |  | 1500 | 1000 | 500 |
| -Trả lãi phát sinh |  | 180 | 120 | 60 |
| -Trả nợ gốc |  | 500 | 500 | 500 |
| Số tiền trả nợ |  | 680 | 620 | 560 |
| Dư nợ cuối kỳ | 1500 | 1000 | 500 | 0 |

b. Hãy lập bảng kế hoạch lãi lỗ trong 3 năm hoạt động của doanh nghiệp. Giả sử máy móc thiết bị khấu hao đều. (1 điểm)

Đơn vị: Triệu đồng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục | Năm 0 | Năm 1 | Năm 2 | Năm 3 |
| Doanh thu |  | 4800 | 4800 | 6000 |
| Chi phí hoạt động |  | 2400 | 2400 | 3000 |
| Khấu hao |  | 1000 | 1000 | 1000 |
| EBIT |  | 1400 | 1400 | 2000 |
| Trả lãi tiền vay |  | 180 | 120 | 60 |
| LN trước thuế (EBT) |  | 1220 | 1280 | 1940 |
| Thuế TNDN |  | 244 | 256 | 388 |
| Lợi nhuận sau thuế |  | 976 | 1024 | 1552 |

c. Hãy lập bảng ngân lưu theo quan điểm tổng đầu tư CF-TIP. Hãy tính NPV (chiết khấu theo WACC) theo quan điểm tổng đầu tư đó nhận xét về triển vọng đầu tư của dự án. (1,5 điểm)

Đơn vị: Triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục | Năm 0 | Năm 1 | Năm 2 | Năm 3 | Năm 4 |
| Doanh thu |  | 4800 | 4800 | 6000 | 0 |
| Thanh lý đất |  |  |  |  | 1000 |
| Thanh lý MMTB |  |  |  |  | 2000 |
| Đầu tư vào đất | 1000 |  |  |  |  |
| Đầu tư máy móc TB | 5000 |  |  |  |  |
| Chi phí hoạt động |  | 2400 | 2400 | 3000 | 0 |
| Thuế thu nhập DN |  | 244 | 256 | 388 | 0 |
| **CF-TIP** | **-6000** | **2156** | **2144** | **2612** | **3000** |

|  |  |
| --- | --- |
| WAAC=1,5/6\*12%+4,5/6\*18%= | 16.5% |

NPV=710,89 triệu đ>0 --> Nên đầu tư dự án.

d. Hãy lập bảng ngân lưu theo quan điểm chủ sở hữu CF-EPV (chỉ lập 3 dòng gồm CF-TIP, ngân lưu tài trợ và CF-EPV). Hãy tính IRR theo quan điểm chủ sở hữu, so sánh với suất sinh lời của chủ sở hữu, từ đó nhận xét về triển vọng đầu tư của dự án. (1 điểm)

Đơn vị: Triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục | Năm 0 | Năm 1 | Năm 2 | Năm 3 | Năm 4 |
| CF-TIP | -6000 | 2156 | 2144 | 2612 | 3000 |
| Ngân lưu tài trợ | 1500 | -680 | -620 | -560 | 0 |
| **CF-EPV** | **-4500** | **1476** | **1524** | **2052** | **3000** |

IRR=24,29%>18% --> Nên đầu tư dự án.

e. Từ dòng tiền câu c, hãy tính thời gian hoàn vốn của dự án có tính suất chiết khấu (tính đến tháng). Gợi ý: trình bày dòng tiền chiết khấu và dòng tiền tích lũy trước khi tính thời gian hoàn vốn. (1 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục | | Năm 0 | | Năm 1 | | Năm 2 | | Năm 3 | | Năm 4 |
| CF-TIP | | -6000 | | 2156 | | 2144 | | 2612 | | 3000 |
| Dòng tiền chiết khấu | | -6000 | | 1827.12 | | 1539.79 | | 1589.74 | | 1547.37 |
| Dòng tiền tích lũy | | -6000 | | -4172.88 | | -2633.09 | | -1043.35 | | 504.02 |
| **Thời gian hoàn vốn:** |  | | **3 năm** | | **9** | | **tháng** | |